

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 2198/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày 22 tháng 06 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Xây dựng Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn – Cơ sở 2 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1765/STNMT-CCBVMT ngày 30/5/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn – Cơ sở 2;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn – Cơ sở 2 đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 2093/SLĐT BXH-KHTC ngày 20/6/2024 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 708/TTr-STNMT ngày 20/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn – Cơ sở 2 (sau đây gọi là Dự án) của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Hoài Thanh Tây, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;
- UBND thị xã Hoài Nhơn;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
XÂY DỰNG TRUNG TÂM NUÔI DƯỠNG NGƯỜI TÂM THẦN HOÀI NHƠN – CƠ SỞ 2 CỦA SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Xây dựng Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn – Cơ sở 2.
- Địa điểm thực hiện: phường Hoài Thanh Tây, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Phạm vi: xây dựng Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn – Cơ sở 2 có diện tích khoảng 100.000 m².
- Quy mô:
 - + 01 nhà làm việc (diện tích xây dựng khoảng 186 m²);
 - + 01 nhà khám bệnh (diện tích xây dựng khoảng 257 m²);
 - + 01 nhà điều trị bệnh nhân (diện tích xây dựng khoảng 354 m²);
 - + 13 nhà ở bệnh nhân (quy mô khoảng 500 người, tổng diện tích khoảng 4.599 m²);
 - + 01 nhà ở tập thể cán bộ nhân viên (diện tích xây dựng khoảng 196 m²);
 - + 01 nhà ăn tập thể + bếp + kho (diện tích xây dựng khoảng 228 m²), 01 nhà bếp (diện tích xây dựng khoảng 632 m²);
 - + 01 nhà khách cho thân nhân lưu trú ngắn ngày (diện tích xây dựng khoảng 235 m²);
 - + 01 nhà đa năng (diện tích xây dựng khoảng 331 m²);
 - + 01 nhà tang lễ (diện tích xây dựng khoảng 54 m²).
- Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	9.480,66	9,48
2	Đất sân thể dục thể thao	3.760,50	3,76
3	Đất lao động sản xuất	35.183,55	35,18
4	Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật	13.181,22	13,18
5	Đất cây xanh	21.475,03	21,48

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
6	Đất sân nội bộ	15.942,72	15,94
7	Đất bãi đậu xe	976,32	0,98
	Tổng cộng	100.000	100

1.3. Các hạng mục dự án và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính:

- San nền diện tích 10 ha.
- Xây dựng khu hành chính, quản trị; khu khám và điều trị bệnh nhân; khu nhà ở bệnh nhân quy mô khoảng 500 người; khu phục vụ cán bộ nhân viên; khu phục vụ bệnh nhân.
- Xây dựng 02 giếng khoan có đường kính D168, chiều sâu khoan là 60m, trữ lượng đánh giá thăm dò tối đa nước dưới đất là 180 m³/ngày đêm cho 2 giếng. Công suất khai thác xin đề nghị cấp phép là 110 m³/ngày cho 2 giếng.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ:

- 01 nhà bảo vệ; 01 nhà kho; 03 nhà để xe; trạm biến áp; nhà xử lý nước thải và khu vực tập trung rác thải; bể xử lý, chứa nước sinh hoạt,...
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật gồm: hệ thống giao thông nội bộ; hệ thống sân nội bộ; hệ thống cấp điện; hệ thống cấp nước sinh hoạt; hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hệ thống cây xanh, thảm cỏ, sân tập thể dục, thể thao, tường rào, cổng ngõ.

1.3.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.
- 65 cụm bể tự hoại 3 ngăn (mỗi cụm bể có dung tích 4,7 m³).
- 01 trạm xử lý nước thải công suất 80 m³/ngày.đêm để xử lý nước thải phát sinh từ Dự án (lưu lượng nước thải khoảng 59,7 m³/ngày.đêm).
- 01 khu tập kết rác có diện tích 17,84 m² tại phía Tây Bắc Dự án.
- Tổng diện tích cây xanh khoảng 21.475,03 m².

1.3.4. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Hoạt động khai thác vật liệu san nền, vật liệu thi công phục vụ dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

2. Hạng mục dự án và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động san nền mặt bằng: phát sinh bụi, chất thải rắn và khí thải từ các thiết bị thi công, vận chuyển.

- Hoạt động thi công xây dựng tại dự án: Phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị thi công.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu: Phát sinh bụi, khí thải tác động đến người dân sống dọc tuyến đường vận chuyển, nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển.

- Tác động không liên quan đến chất thải: Tiếng ồn quá trình thi công ảnh hưởng đến người dân xung quanh Dự án.

- Trong giai đoạn vận hành phát sinh: chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn y tế, nước thải y tế, chất thải nguy hại, chất thải y tế nguy hại, bùn thải từ trạm xử lý nước thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,92 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 2 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động: Nước thải sinh hoạt tại Dự án chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của bệnh nhân, cán bộ, nhân viên phát sinh và hoạt động khám, điều trị với tổng lưu lượng khoảng 59,7 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, H₂S, VOC,...

b) Giai đoạn hoạt động: Mùi hôi từ khu vực tập kết rác, trạm xử lý nước thải. Thành phần chủ yếu là NH₃, H₂S, CH₄,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh với khối lượng khoảng 4,5 tấn. Thành phần chủ yếu là thực bì,...

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 312 – 520 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, xà bần, ni lông.

- Đất bóc phong hóa phát sinh với khối lượng khoảng 9.564,16 m³.

- Khối lượng đất đào phát sinh khoảng 46.453,78 m³.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 41,1 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn hoạt động: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 0,5 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 140 kg trong suốt quá trình thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, pin ắc quy thải, các loại dầu mỡ thải, cặn sơn,...

b) Giai đoạn hoạt động: Hoạt động khám bệnh, nuôi dưỡng bệnh nhân tâm thần phát sinh chất thải nguy hại, chất thải y tế nguy hại (bao gồm chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không nguy hại) với khối lượng khoảng 6,7 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là dược phẩm gây độc tế bào, thiết bị y tế hỏng, vỡ, bóng đèn huỳnh quang, pin, ắc quy,...

3.3. Tiếng ồn và độ rung: Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển,....

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục dự án và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn: tạo các mương thoát nước tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ; dọn đất, cát, rác thải sinh hoạt,... rơi vãi sau mỗi ngày làm việc để tránh nước mưa chảy xuống các rãnh thoát nước.

- Nước thải xây dựng: bố trí 01 bể lắng tạm có thể tích 2m^3 để thu gom và lắng cặn nước thải trước khi tái sử dụng cho quá trình xây dựng.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn

Nước mưa từ trên mái được thu bằng ống nhựa PVC Ø90 và dẫn đầu nối vào hệ thống mương thoát nước mưa xung quanh nhà, sau đó thoát vào hệ thống thoát nước chung; toàn bộ nước mưa chảy thoát theo độ dốc địa hình và được thu bằng các hố ga, mương BTCT kích thước B600, B400; sau đó thoát ra tuyến cống tròn BTCT D600 phía Tây dự án và thoát ra suối Cái (bố trí 05 cửa xả thoát nước cho Dự án).

- Nước thải sinh hoạt: Hệ thống thu gom và thoát nước thải được thiết kế đi riêng với hệ thống thu gom và thoát nước mưa. Phương án xử lý nước thải như sau:

+ Xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải có công suất $80\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ đặt tại khu vực phía Tây Bắc dự án. Nước thải sinh hoạt của dự án được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó được thu gom bằng tuyến ống thu gom nước thải D140, D200 dẫn về hệ thống xử lý nước thải. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế (cột B, K = 1,2) xả ra suối Cái phía Tây Dự án (tọa độ điểm xả thải: X = 1.604.730; Y = 582.286, theo hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰).

+ Quy trình công nghệ xử lý nước thải như sau:

Nước thải nhà bếp, nhà ăn tập thể → Bể tách mỡ

Nước thải đen → Bể tự hoại 3 ngăn



Nước thải xám → Bể gom - điều hòa - tách rác → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận (suối Cái phía Tây dự án).

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi với tần suất 02 lần/ngày và tăng cường vào mùa nắng.

- Tất cả các xe vận tải đạt tiêu chuẩn quy định về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; được phủ bạt, thùng xe kín; chở đúng tải trọng và tốc độ quy định.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2m.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại khu vực lán trại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

- + Thu gom toàn bộ khối lượng chất thải thực bì, cây cỏ phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng xử lý theo quy định.

- + Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động bóc phong hóa khoảng 9.564,16 m³ được tận dụng hoàn toàn và đổ tại vị trí cây xanh, khu lao động sản xuất của dự án với diện tích khoảng 56.658,58 m².

- + Khối lượng đất đào phát sinh tận dụng san lấp mặt bằng trong khu vực dự án.

b) Giai đoạn hoạt động

- Bố trí các thùng rác có nắp đậy tại các khu nhà khám và điều trị bệnh nhân, khu nhà ở, nhà bếp,...

- Nhân viên vệ sinh chịu trách nhiệm làm vệ sinh, quét dọn thu gom rác thường xuyên đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Bố trí các thùng chứa rác tại khu tập kết rác có diện tích 9,84 m², có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công, xây dựng: bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn hoạt động: bố trí các thùng chứa chất thải y tế nguy hại tại khu vực khám bệnh; bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu tập kết rác có

diện tích 8 m², có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các thiết bị thi công được đăng kiểm, hạn chế sử dụng nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn cùng một thời điểm; thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công để người dân xung quanh được biết.

- Nếu đề xảy ra hư hỏng đường hoặc nhà dân, Chủ đầu tư sẽ có phương án đền bù, xử lý phù hợp.

- Lắp đặt 02 máy bơm cho giếng khoan, thời gian bơm khoảng 12h/ngày. Bố trí 02 máy bơm dự phòng hư hỏng máy móc trong quá trình hoạt động.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật: Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng: Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ứ đọng, ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công

5.1. Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: tại khu vực phía Đông Bắc tiếp giáp với khu dân cư hiện trạng, tọa độ (X = 1.604.837; Y = 582.561, hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰).

- Thông số giám sát: Bụi lơ lửng, tiếng ồn.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

5.3. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

- Giám sát nước thải:

+ Vị trí giám sát: nước thải đầu vào và nước thải đầu ra tại hệ thống XLNT.

+ Các chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻), Phosphat (PO₄³⁻), dầu mỡ động thực vật, salmonella, shigella, vibrio cholerae, tổng coliforms.

+ Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 28:2010/BTNMT (cột B, K = 1,2).

+ Tần suất quan trắc: thực hiện giám sát theo Kế hoạch vận hành thử nghiệm được cơ quan quản lý nhà nước chấp thuận và theo quy định pháp luật hiện hành.

6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

- Chủ dự án có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh các nội dung thay đổi so với Quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 của dự án và thực hiện điều chỉnh quy hoạch 1/500 theo quy định (nếu cần thiết).

- Thiết lập hệ thống biển báo, cấm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng Dự án.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/

BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.